

DANH SÁCH ĐIỂM THI

BÀI THI 2(III+IV): KINH TẾ CHÍNH TRỊ VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TBCN
VÀ VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH
LỚP TCLLCT HỆ TẬP TRUNG KHÓA 47, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01	7,0	Bảy	
2	Hoàng Văn Bảy	02	7,5	Bảy rưỡi	
3	Vũ Thị Phương Chinh	03	7,0	Bảy	
4	Đặng Thành Chung	04	7,0	Bảy	
5	Trần Quốc Cường	05	7,0	Bảy	
6	Nguyễn Đức Dũng	06	6,5	Sáu rưỡi	
7	Nguyễn Thị Duyên	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Trần Thị Thúy Hà	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Thị Thu Hà	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Trịnh Văn Hải	10	7,0	Bảy	
11	Phạm Thúy Hằng	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Cao Trung Hiếu	12	7,5	Bảy rưỡi	
13	Dương Văn Hiếu	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Hoa	14	7,5	Bảy rưỡi	
15	Mai Xuân Hoàng	15	7,0	Bảy	
16	Ma Thị Hồng	16	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Thị Huế	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Đào Thị Hương	18	7,5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Đình Hưởng	19	8,0	Tám	
20	Hoàng Trọng Huy	20	7,0	Bảy	
21	Lưu Thị Huyền	21	7,0	Bảy	
22	Trần Văn Khánh	22	8,0	Tám	
23	Trần Thanh Luân	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Trần Đức Mạnh	24	7,5	Bảy rưỡi	



Handwritten signature or mark.

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
25	Vũ Thị Tuyết Nga	25	7,0	Bảy	
26	Dương Thị Bích Ngọc	26	7,5	Bảy rưỡi	
27	Trần Doãn Ngọc	27	7,0	Bảy	
28	Ngô Minh Nguyệt	28	7,5	Bảy rưỡi	
29	Ong Thị Huyền Nhung	29	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Ninh	30	7,5	Bảy rưỡi	
31	Bàn Thị Oanh	31	7,5	Bảy rưỡi	
32	Kiều Thu Phương	32	7,0	Bảy	
33	Phạm Thị Mỹ Phượng	33	7,0	Bảy	
34	Nguyễn Thị Phượng	34	8,0	Tám	
35	Trịnh Ngọc Quỳnh	35	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Hương Quỳnh	36	8,0	Tám	
37	Đỗ Bá Tám	37	7,5	Bảy rưỡi	
38	Lưu Văn Thảo	38	8,0	Tám	
39	Đỗ Thị Thu	39	7,0	Bảy	
40	Tạ Văn Thụ	40	7,0	Bảy	
41	Hoàng Thị Bích Thùy	41	7,5	Bảy rưỡi	
42	Tạ Văn Tọa	42	8,0	Tám	
43	Nguyễn Thị Hương Trà	43	7,5	Bảy rưỡi	
44	Diệp Thị Minh Trang	44	7,0	Bảy	
45	Ma Thị Truyền	45	7,0	Bảy	
46	Luân Đức Tú	46	7,0	Bảy	
47	Ngô Văn Việt	47	7,5	Bảy rưỡi	
48	Phùng Kim Yến	48	7,5	Bảy rưỡi	



KHOA LLCS
PHÓ PHỤ TRÁCH KHOA

Nguyễn Văn Tuấn

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QLĐT&NCKH



Nguyễn Thị Hồng Mây